

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC X
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/DS-ST
Ngày: 23/9/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Minh Đức và ông Nguyễn Đức Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lữ Thu Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực x, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực x, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/9/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khu vực x, tỉnh Ninh Bình – Cơ sở B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2025/TLST-DS ngày 21/07/2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST – DS ngày 28/08/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực x, tỉnh Ninh Bình, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đinh Thị H, sinh năm 1970; nơi thường trú và cư trú: Thôn H, phường M, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: Anh Trần Nam H1, sinh năm 1988 và chị Đoàn Thị Hải Y, sinh năm 1990; nơi thường trú và cư trú: Thôn B, xã B, tỉnh Ninh Bình.

- Người đại diện theo ủy quyền của chị Y: Anh Trần Nam H1, sinh năm 1988; nơi thường trú và cư trú: Thôn B, xã B, tỉnh Ninh Bình.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Ngọc O, sinh năm 1966; nơi thường trú và cư trú: Thôn H, phường M, tỉnh Ninh Bình.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông O: Bà Đinh Thị H, sinh năm 1970; nơi thường trú và cư trú: Thôn H, phường M, tỉnh Ninh Bình.

(Có mặt bà H; vắng mặt anh H1, chị Y, ông O)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

I. Trong quá trình giải quyết vụ án; các đương sự trình bày như sau:

1. Nguyên đơn – bà Đinh Thị H trình bày: Khoảng cuối tháng 05/2022 anh Trần Nam H1 có gọi điện thoại hỏi vay tiền của bà để trả tiền công thợ xây nhà. Bà đồng ý và yêu cầu cả hai vợ chồng anh Trần Nam H1 và chị Đoàn Thị Hải Y đến nhà bà để làm hợp đồng vay tiền. Chiều ngày 03/8/2022 tại nhà bà thì bà và vợ chồng anh H1 chị Y đã thỏa thuận là bà cho vợ chồng anh H1 chị Y vay 200.000.000 đồng trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày 03/8/2022; nếu hết thời hạn 01 tháng mà vợ chồng anh H1 chị Y không trả nợ thì sẽ phải trả lãi khoản tiền vay với mức lãi suất quá hạn = 150% lãi suất vay tương ứng; sau đó bà giao tiền cho anh H1 chị Y. Tuy nhiên đến hết ngày 03/9/2022 (hết thời hạn 01 tháng) vợ chồng anh H1 chị Y không trả gốc cho bà. Sau đó nhiều lần bà yêu cầu vợ chồng anh H1 chị Y trả nợ thì vợ chồng anh H1 chị Y có hứa là khi nào vợ chồng anh H1 chị Y bán ngôi nhà 05 tầng ở số 53 đường Đ, thị trấn B nay là xã B, tỉnh Ninh Bình thì sẽ trả cả gốc và lãi nhưng đến nay vợ chồng anh H1 chị Y vẫn không trả nợ nên bà mới khởi kiện ra Tòa án.

Nay bà xác định là do bà và vợ chồng anh H1 chị Y không thỏa thuận về lãi đối với số tiền cho vay trong thời hạn cho vay nên bà không yêu cầu vợ chồng anh H1 chị Y trả lãi cho bà đối với số tiền vay 200.000.000 đồng trong thời hạn vay từ 03/8/2022 đến 03/9/2022. Tuy nhiên do anh H1 chị Y không trả nợ đúng hạn nên bà đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh H1 chị Y trả cho bà 200.000.000 đồng nợ gốc và lãi phát sinh theo quy định của pháp luật từ ngày 04/9/2022 cho đến khi Tòa án giải quyết xong.

2. Bị đơn - anh Trần Nam H1 và cũng là người đại diện cho bị đơn – chị Đoàn Thị Hải Y trình bày: Ngày 03/8/2021 vợ chồng anh có vay của bà Đinh Thị H số tiền 200.000.000 đồng. Mục đích vay để làm ăn. Thời hạn vay là 01 tháng. Khi vay hai bên chỉ thỏa thuận miệng là vay có lãi nhưng không nói là lãi suất bao nhiêu; việc vay tiền có làm hợp đồng.

Nay bà H kiện đòi vợ chồng anh 200.000.000 đồng tiền vay anh đồng ý trả nhưng hiện nay anh chưa có điều kiện để trả ngay. Về lãi suất tiền vay; anh đồng ý trả lãi khoản tiền vay 200.000.000 đồng nhưng đề nghị Tòa án áp dụng lãi suất không kỳ hạn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh huyện Bình Lục Hà Nam II là 2%/năm; thời điểm tính lãi từ ngày vợ chồng anh vay tiền – ngày 03/8/2022 cho đến khi vợ chồng anh trả nợ xong.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Trần Ngọc O trình bày: Tất cả nội dung liên quan đến việc vợ chồng anh Trần Nam H1 và chị Đoàn Thị Hải Y vay vợ chồng ông 200.000.000 đồng đúng như vợ ông – bà Đinh Thị H đã trình bày; ông không có ý kiến gì khác.

Ông đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh H1 chị Y trả cho vợ ông – bà H 200.000.000 đồng nợ gốc và lãi phát sinh theo quy định của pháp luật từ ngày 04/9/2022 cho đến khi Tòa án giải quyết xong.

II. Tại phiên tòa, nguyên đơn – bà Đinh Thị H đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa do bị đơn vắng mặt và triệu tập bị đơn đến phiên tòa. Kết thúc phần thủ tục bà H rời khỏi phòng xử án và không tiếp tục tham gia phiên tòa.

III. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực x, tỉnh Ninh Bình có quan điểm:

1. Về tố tụng, Tòa án nhân dân Khu vực x, tỉnh Ninh Bình thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án tại toà và xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với việc nguyên đơn – bà Đinh Thị H đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa do bị đơn vắng mặt và triệu tập bị đơn đến phiên tòa sau đó rời khỏi phòng xử án và không tiếp tục tham gia phiên tòa là chấp hành chưa đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

2. Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 463; 466; 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH1 vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị H. Buộc vợ chồng anh Trần Nam H1 và chị Đoàn Thị Hải Y phải trả cho vợ chồng bà H, ông O số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và số tiền lãi theo quy định của pháp luật.

* Án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về tố tụng: Hội đồng xét xử xét thấy đây là vụ án dân sự “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do bị đơn đăng ký thường trú tại thôn B, xã B, tỉnh Ninh Bình vì vậy Tòa án nhân dân Khu vực x, tỉnh Ninh Bình thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 34, các điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc nguyên đơn – bà Đinh Thị H đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa do bị đơn vắng mặt và triệu tập bị đơn đến phiên tòa; sau đó rời khỏi phòng xử án và không tiếp tục tham gia phiên tòa; Hội đồng xét xử thấy rằng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa đã giải thích cho bà H biết là bị đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên trường hợp này không được hoãn phiên tòa; việc bà H yêu cầu là không đúng quy định của pháp luật tuy nhiên bà H không đồng ý, nhất

quyết đề nghị Tòa án phải triệu tập bị đơn đến phiên tòa; sau đó rời khỏi phòng xét xử mà không tham gia phiên tòa nữa. Hội đồng xét xử đã thảo luận thấy rằng bà H đã có mặt tại phiên tòa, sau khi khai mạc phiên tòa đã tham gia phân thủ tục; việc bà H tự ý rời khỏi phòng xét xử là thuộc trường hợp đương sự có mặt tại phiên tòa nhưng vắng mặt khi tuyên án thì Hội đồng xét xử vẫn tuyên đọc bản án được quy định tại Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Mặc dù bị đơn – anh H1, chị Y và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông O vắng mặt tại phiên tòa nhưng anh H1 chị Y đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông O có bà H là người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa nhưng tự ý rời khỏi phòng xét xử không tham gia phiên tòa vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227; các khoản 1, 2 Điều 228 và Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự.

II. Về nội dung vụ án:

[1] Đánh giá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hội đồng xét xử thấy rằng vợ chồng anh Trần Nam H1 chị Đoàn Thị Hải Y vay vợ chồng bà Đinh Thị H ông Trần Ngọc O 200.000.000 đồng vào ngày 03/9/2022 và đến nay chưa trả là có thật; việc này đã được các bên thừa nhận. Do bà H yêu cầu anh H1 chị Y trả lãi với mức lãi suất theo quy định của pháp luật; anh H1 đề nghị được trả lãi với mức lãi suất 2%/năm vì vậy các bên không thống nhất được cách giải quyết.

Mặc dù bà H xác định khi bà cho vay tiền (ngày 03/8/2022) thì hai bên không thỏa thuận lãi suất; anh H1 xác định vay có lãi nhưng không nói rõ mức lãi suất; Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong hợp đồng vay tiền các bên đã ký vào ngày 03/8/2022 thì không ghi mức lãi suất cho khoản tiền vay mà chỉ thể hiện nội dung nếu quá thời hạn vay (ngày 03/9/2022) mà anh H1 chị Y không trả nợ thì phải chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay tương ứng với thời gian chậm trả do vậy Hội đồng xét xử xác định đây thuộc trường hợp cho vay không có lãi. Do đến hạn nhưng anh H1 chị Y không trả được nợ nên bà H yêu cầu tính lãi số tiền cho anh H1 chị Y vay là đúng quy định của pháp luật; được chấp nhận.

Do các bên không thống nhất về mức lãi suất; căn cứ khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Hội đồng xét xử xác định anh H1 chị Y phải trả tiền lãi trên nợ gốc chậm trả với mức lãi suất là 10%/năm; thời điểm tính lãi từ ngày 04/9/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (23/9/2025) là 03 năm 19 ngày. Tiền lãi anh H1 chị Y phải trả bà H ông O được tính cụ thể như sau: $(200.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 3 \text{ năm}) + [(200.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} : 365 \text{ ngày}) \times 19 \text{ ngày}] = 61.041.096 \text{ đồng}$; làm tròn thành 61.041.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; cụ thể được tính như sau: Tổng số tiền nguyên đơn được chấp nhận tại thời điểm xét xử sơ thẩm là: 200.000.000 đồng nợ gốc + 61.041.000 đồng nợ lãi = 261.041.000 đồng. Tính thành án phí = 261.041.000 đồng x 5% = 13.052.050 đồng, làm tròn = 13.052.000 đồng.

Trả lại bà H tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; các điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2025.

Căn cứ Điều 463; khoản 1 Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH1 vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị H. Buộc anh Trần Nam H1 và chị Đoàn Thị Hải Y liên đới trả bà Đinh Thị H và ông Trần Ngọc O 200.000.000 đồng nợ gốc theo Hợp đồng vay tiền ngày 03/8/2025 và 61.041.000 đồng tiền lãi được tính từ ngày 04/9/2022 đến ngày 23/9/2025.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Nam H1 và chị Đoàn Thị Hải Y phải liên đới nộp 13.052.000 đồng.

Trả lại bà H 5.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp tại Thi hành án dân sự khu vực x tỉnh Ninh Bình theo biên lai số 0002770 ngày 16/7/2025.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bà H, anh H1, chị Y, ông O biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND Khu vực x - Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đặng Trần Anh Dũng
(đã ký)